**PHIẾU KHẢO SÁT VỀ HẠ TẦNG**

Phiếu HT02 – Khảo sát hiện trạng và nhu cầu thiết bị đầu cuối, nền tảng số hóa cho Trung tâm Phục vụ hành chính công

1. **THÔNG TIN CHUNG**

| Tên đơn vị: | Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh |
| --- | --- |
| Địa chỉ: | 127 Hai Bà Trưng, p.Quy Nhơn, Gia Lai |
| Điện thoại: |  |
| Fax: |  |
| Cán bộ phụ trách: |  |
| Điện thoại: |  |
| Di động: |  |
| Email: |  |

1. **PHẠM VI KHẢO SÁT**

* Khảo sát hiện trạng và nhu cầu thiết bị đầu cuối, nền tảng số hóa cho Trung tâm Phục vụ hành chính công

1. **KHẢO SÁT THIẾT BỊ ĐẦU CUỐI CỦA TRUNG TÂM PHỤC VỤ HÀNH CHÍNH CÔNG MỘT CẤP TRỰC THUỘC UBND TỈNH**

Đối với các thiết bị đầu cuối của trung tâm phục vụ hành chính công liệt kê thông tin theo bảng sau:

- Cột (4): phân loại bao nhiêu thiết bị còn sử dụng tốt, bao nhiêu thiết bị không sử dụng được.

- Cột (5): điền thông tin về nhu cầu bổ sung, nâng cấp hoặc thay thế.

- Đối với Kênh truyền: điền băng thông (Mbps) vào cột (3)

| **STT** | **Tên hệ thống/thiết bị** | **Số lượng hiện có** | **Tình trạng hoạt động (Tốt/Hỏng)** | **Nhu cầu (bổ sung/nâng cấp/thay thế)** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **(1)** | **(2)** | **(3)** | **(4)** | **(5)** |
| **I** | **Thiết bị, phần mềm làm việc của cán bộ, công chức** |  |  |  |
| 1 | Máy trạm | 0 |  |  |
| 2 | Máy in | 12 | Tốt |  |
| 3 | Camera chụp ảnh công dân | 0 |  |  |
| 4 | Đầu đọc CCCD | 0 |  |  |
| 5 | Thiết bị ký số | 14 |  |  |
| 6 | UPS | 2 | Tốt |  |
| 7 | Máy quét | 20 | Tốt |  |
| 8 | Phần mềm chống mã độc | 20 | Tốt |  |
| **II** | **Thiết bị cho công dân đến giao dịch** |  |  |  |
| 1 | Máy lấy số thứ tự | 2 | Tốt |  |
| 2 | Màn hình hiển thị, loa gọi số | 4 | Tốt |  |
| 3 | Máy kiosk tra cứu thông tin | 1 | Tốt |  |
| 4 | Thiết bị cảm ứng đánh giá mức độ hài lòng | 1 | Tốt |  |
| **III** | **Thiết bị hỗ trợ hội nghị – truyền thông** |  |  |  |
| 1 | Thiết bị hội nghị truyền hình | 0 |  |  |
| 2 | Màn hình hiển thị thông báo/quy trình | 4 | Tốt |  |
| **IV** | **Thiết bị an ninh** |  |  |  |
| 1 | Camera giám sát | 16 | Tốt |  |
| 2 | Tường lửa | 0 |  |  |
| **V** | **Mạng LAN** |  |  |  |
| 1 | Modem/Router | 2 | Tốt |  |
| 2 | Thiết bị chuyển mạch lõi (Switch core) | 0 | Tốt |  |
| 3 | Thiết bị chuyển mạch truy cập (Access Switch) | 4 | Tốt |  |
| 4 | Bộ phát Wifi (Access point) | 4 | Tốt |  |
| 5 | Tủ Rack | 1 | Tốt |  |
| 6 | UPS | 1 | Tốt |  |
| **VI** | **Kênh truyền** |  |  |  |
| 1 | TSLCD | Điền băng thông (Mbps) |  |  |
| 2 | Internet | Điền băng thông 200(Mbps) |  |  |
| **VII** | Vùng lõm sóng |  |  |  |
| 1 | Chất lượng tín hiệu, cường độ thu (< -121dbm: Lõm) | -71dbm | Bình thường |  |
| **VIII** | **Thiết bị khác (nếu có)** |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |

1. **KHẢO SÁT THIẾT BỊ ĐẦU CUỐI CỦA TRUNG TÂM PHỤC VỤ HÀNH CHÍNH CÔNG CẤP XÃ**

Đối với các thiết bị đầu cuối của trung tâm phục vụ hành chính công liệt kê thông tin theo bảng sau:

- Cột (4): phân loại bao nhiêu thiết bị còn sử dụng tốt, bao nhiêu thiết bị không sử dụng được.

- Cột (5): điền thông tin về nhu cầu bổ sung, nâng cấp hoặc thay thế.

- Đối với Kênh truyền: điền băng thông (Mbps) vào cột (3)

| **STT** | **Tên hệ thống/thiết bị** | **Số lượng hiện có** | **Tình trạng hoạt động (Tốt/Hỏng)** | **Nhu cầu (bổ sung/nâng cấp/thay thế)** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **(1)** | **(2)** | **(3)** | **(4)** | **(5)** |
| **I** | **Thiết bị, phần mềm làm việc của cán bộ, công chức** |  |  |  |
| 1 | Máy trạm | 5 | 4: Tốt  1: Hỏng | Bổ sung 3 máy kết nối mạng có dây  Thay thế 2 máy có dây |
| 2 | Máy in | 3 | 2: tốt  01: Hỏng | 3 |
| 3 | Camera chụp ảnh công dân | 0 |  | 1 |
| 4 | Đầu đọc CCCD | 0 |  | 1 |
| 5 | Thiết bị ký số | 1 |  |  |
| 6 | UPS | 0 |  | 1 |
| 7 | Máy quét | 02 |  |  |
| 8 | Phần mềm chống mã độc |  |  |  |
| **II** | **Thiết bị cho công dân đến giao dịch** |  |  |  |
| 1 | Máy lấy số thứ tự | 0 |  | 1 |
| 2 | Màn hình hiển thị, loa gọi số | 0 |  | 1 |
| 3 | Máy kiosk tra cứu thông tin | 0 |  | 1 |
| 4 | Thiết bị cảm ứng đánh giá mức độ hài lòng | 0 |  | 1 |
| **III** | **Thiết bị hỗ trợ hội nghị – truyền thông** |  |  |  |
| 1 | Thiết bị hội nghị truyền hình | 0 |  | 1 |
| 2 | Màn hình hiển thị thông báo/quy trình | 0 |  | 1 |
| **IV** | **Thiết bị an ninh** |  |  |  |
| 1 | Camera giám sát | 0 |  | 1 |
| 2 | Tường lửa |  |  |  |
| **V** | **Mạng LAN** |  |  |  |
| 1 | Modem/Router | 1 | 1 tốt |  |
| 2 | Thiết bị chuyển mạch lõi (Switch core) | 0 |  |  |
| 3 | Thiết bị chuyển mạch truy cập (Access Switch) |  |  |  |
| 4 | Bộ phát Wifi (Access point) | 1 | 1 tốt |  |
| 5 | Tủ Rack | 0 |  | 1 |
| 6 | UPS | 0 |  | 1 |
| **VI** | **Kênh truyền** |  |  |  |
| 1 | TSLCD | Điền băng thông (Mbps) |  |  |
| 2 | Internet | Điền băng thông (Mbps) |  |  |
| **VII** | Vùng lõm sóng |  |  |  |
| 1 | Chất lượng tín hiệu, cường độ thu (< -121dbm: Lõm) |  | Bình thường/ Lõm |  |
| **V** | **Thiết bị khác (nếu có)** |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |

1. **KHẢO SÁT HẠ TẦNG CHO NỀN TẢNG SỐ HÓA (NẾU CÓ)**

Đơn vị liệt kê các thông tin về hệ thống số hóa theo bảng sau:

- Tích X vào cột Có hoặc Không

- Tình trạng hoạt động: phân loại bao nhiêu thiết bị còn sử dụng tốt, bao nhiêu thiết bị không sử dụng được.

- Nhu cầu (bổ sung/nâng cấp/thay thế): điền thông tin về nhu cầu bổ sung, nâng cấp hoặc thay thế.

| **STT** | **Tên thiết bị/Giải pháp** | **Có** | **Không** | **Số lượng hiện có** | **Tên hãng/giải pháp** | **Tình trạng hoạt động (Tốt/Hỏng)** | **Kiến nghị (bổ sung/nâng cấp/thay thế)** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | Thiết bị số hóa (máy quét chuyên dụng tốc độ cao) | 01 |  | 01 | Scan Pro 2600 F1 | Tốt |  |
| 2 | Giải pháp để trích xuất dữ liệu từ văn bản scan (OCR)? |  |  |  |  |  |  |
| 3 | Thiết bị lưu trữ tập trung (SAN, NAS, Object) cho tài liệu số hóa | 0 |  |  |  |  | 1 |
| 4 | Giải pháp quản lý tài liệu điện tử |  |  |  |  |  |  |
| 5 | Giải pháp chữ ký số để xác thực giá trị pháp lý của tài liệu số hóa |  |  |  |  |  |  |
| 6 | Giải pháp sao lưu tài liệu số hóa |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |